

TỜ TRÌNH

**Về việc thẩm định, phê duyệt Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung
đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045**

Kính gửi: Sở Xây dựng tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/01/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 831/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chung (điều chỉnh) đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ các Quyết định số: 127/QĐ-UBND ngày 26/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; 762/QĐ-UBND ngày 09/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; 768/QĐ-UBND ngày 11/11/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; 832/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi; 614/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2035;

Căn cứ Công văn số 613/UBND-KTN ngày 21/02/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc lập đề án Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1224/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí lập Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 2068-KL/TU ngày 25/9/2024 của Thị ủy Đức Phổ về thống nhất nội dung Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 10/10/2024 của Hội đồng nhân dân thị xã Đức Phổ về việc thông qua Đề án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Công văn số 3431/BXD-QHKT ngày 14/05/2025 của Bộ Xây dựng về việc góp ý đối với Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045;

Trên cơ sở góp ý của Bộ Xây dựng theo Công văn số 3431/BXD-QHKT ngày 14/05/2025, UBND thị xã Đức Phổ đã chỉnh sửa hoàn thiện Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045 theo đúng quy định của pháp luật, UBND thị xã Đức Phổ kính đề nghị Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt Đồ án, với các nội dung như sau:

1. Tên Đồ án: Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045.

2. Quy mô, phạm vi nghiên cứu quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch: Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ ranh giới hành chính thị xã Đức Phổ, giới cận như sau:

- Phía Đông giáp: biển Đông;
- Phía Tây giáp: huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi;
- Phía Nam giáp: thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- Phía Bắc giáp: huyện Mộ Đức và huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Tỷ lệ bản đồ chính: 1/10.000.

3. Tính chất:

Là đô thị trung tâm Vùng liên huyện phía Nam và không gian kinh tế sinh thái biển cũng như vị trí chiến lược trên hành lang kinh tế Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây theo QL24. Là đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với nền văn hóa Sa Huỳnh song hành với sự phát triển của ngành kinh tế biển.

Là đô thị cấp tỉnh, trung tâm hành chính – chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của vùng phía Nam tỉnh Quảng Ngãi; được quy hoạch phát triển theo tiêu chí đô thị loại III, hướng đến trở thành thành phố sinh thái, thông minh và phát triển bền vững;

Là đầu mối giao thông quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi.

4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

a) Quy mô dân số: Quy mô dân số toàn khu vực lập quy hoạch, dự báo đến năm 2045 khoảng 245.000 người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:

Đô thị Đức Phổ áp dụng tiêu chí của đô thị loại III theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch Xây dựng QCVN 01:2021/BXD, có xét đến các yếu tố chuyên tiếp của quá trình đô thị hóa tại địa phương và xét đến các yếu tố đặc thù của đô thị ven biển.

5. Quy hoạch sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Đến năm 2045			
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Dân số (người)	Chỉ tiêu (m ² /người)
	Tổng	37.305,26	100,00	243.000	
I	Khu đất dân dụng	2.418,24	6,48		99,52
	<i>Trong đó: chỉ tiêu khu đất dân dụng phát triển mới</i>	1.617,14			66,55
	Đất đơn vị ở mới và đất đơn vị ở trong khu hỗn hợp	558,85			23,00
	Hạ tầng xã hội	1.058,30			43,55
1	Đơn vị ở	984,03	2,64	165.250	59,55
	Đất đơn vị ở hiện trạng	801,10			32,97
	Đất đơn vị ở quy hoạch	182,93			
2	Hỗn hợp (đơn vị ở và dịch vụ - công cộng)	375,92	1,01	48.750	77,11
3	Dịch vụ công cộng	182,69	0,49		7,52
4	Cơ quan, trụ sở cấp đô thị	41,53	0,11		
5	Cây xanh sử dụng công cộng	200,57	0,54		8,25
6	Giao thông đô thị	528,50	1,42		
7	Hạ tầng kỹ thuật khác cấp đô thị	105,01	0,28		
II	Khu đất ngoài dân dụng	3.658,89	9,81		150,57
1	Sản xuất công nghiệp	452,40	1,21		
2	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu	13,68	0,04		
3	Dịch vụ, du lịch	202,33	0,54		
4	Trung tâm y tế	8,98	0,02		
5	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	39,89	0,11		
6	Cây xanh chuyên dụng	227,00	0,61		
7	Di tích, tôn giáo	63,13	0,17		
8	Điểm dân cư nông thôn	261,97	0,70	29.023	90,26
9	An ninh	13,93	0,04		
10	Quốc phòng	597,25	1,60		
11	Giao thông đối ngoại	954,37	2,56		
12	Hạ tầng kỹ thuật khác	226,71	0,61		
13	Nghĩa trang, nghĩa địa	597,25	1,60		
III	Khu đất nông nghiệp và chức năng khác	31.228,12	83,71		1285,11
1	Sản xuất nông nghiệp	12.961,84	34,75		
2	Lâm nghiệp	15.034,94	40,30		
2.1	Rừng phòng hộ	3.898,06	10,45		
2.2	Rừng sản xuất	11.136,88	29,85		
3	Nuôi trồng thủy sản	23,41	0,06		
4	Chưa sử dụng- Đất dự phòng	666,77	1,79		
5	Hồ, ao, đầm	1.262,04	3,38		
6	Sông, suối, kênh, rạch	885,90	2,37		
7	Du lịch trên mặt nước	2,33	0,01		
8	Đồng muối	86,60	0,23		
9	Bãi cát	304,29	0,82		

6. Định hướng phát triển đô thị

6.1. Tầm nhìn:

- Xây dựng đô thị Đức Phổ trở thành đô thị hiện đại, thông minh, bền vững, mang đặc trưng của một đô thị phát triển gắn với vị thế, tiềm năng của khu vực.

- Khai thác và phát huy thế mạnh của Sa Huỳnh; phát triển, hình thành hoàn chỉnh các chức năng trọng điểm để thu hút, phát triển văn hóa – du lịch, các ngành nghề đặc trưng gắn với kinh tế biển.

- Phát triển kinh tế đồng thời với phát triển văn hoá, xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân; bảo vệ tài nguyên môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

6.2. Các định hướng phát triển:

- Phát triển kinh tế biển: trở thành trung tâm đầu mối kinh tế sinh thái biển Quảng Ngãi với việc đầu tư cảng cá Sa Huỳnh, Mỹ Á gắn với công nghiệp hậu cần nghề cá, trung tâm đầu mối; Phát triển hệ thống nuôi trồng thủy sản trên biển, tăng cường giao thương thủy sản nhằm hoàn thành chuỗi giá trị kinh tế biển cho Đức Phổ.

- Trở thành trung tâm Logistic cấp vùng: Phát triển khu vực Phía Bắc Thị xã Đức Phổ trở thành một trong những đầu mối logistics quan trọng, trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hóa kết nối vùng Tây Nguyên với Cao tốc Bắc Nam, Cảng biển Dung Quất, Sân bay Chu Lai; Đẩy mạnh việc phát triển chế biến nông, lâm sản, thực phẩm theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, gắn với nguồn nguyên liệu địa phương, kết hợp với việc quy hoạch đồng bộ hệ thống hạ tầng, đảm bảo thu hút được nhà đầu tư và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Khẳng định thương hiệu Sa Huỳnh: Tăng cường quảng bá “Sa Huỳnh” là nơi chứa đựng nhiều giá trị văn hóa, cảnh quan, du lịch và các sản phẩm địa phương: Muối, gốm, đặc sản...

- Phát triển giao thông, tăng cường mối liên kết vùng: Với đặc điểm về địa hình tự nhiên và những định hướng hệ thống giao thông cấp Quốc gia; Đức Phổ cần ưu tiên hình thành hệ thống giao thông chính, kết nối khu vực phát triển đô thị với các tuyến cao tốc, hệ thống cảng biển, các khu du lịch.

- Tăng cường không gian xanh, phát triển trở thành đô thị sinh thái: thiết lập hệ thống không gian cây xanh ven sông, ven đầm và hệ sinh thái nông nghiệp, núi đồi, không gian rừng ven biển để ổn định môi trường và tạo không gian chuyển tiếp hài hòa giữa các khu chức năng trong đô thị.

7. Quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan

7.1. Định hướng khu vực nội thị, ngoại thị:

- Đến năm 2030: Mở rộng ranh giới nội thị của thị xã bao gồm cả xã Phổ An, Phổ Thuận và Phổ Châu. Đầu tư phát triển khu vực hai bên tuyến đường

Dung Quất - Sa Huỳnh với tiêu chuẩn đô thị loại III. Khu vực ngoại thị gồm các xã: Phổ Phong, Phổ Nhơn, Phổ Cường, Phổ Khánh.

- Giai đoạn 2031-2045: Mở rộng ranh giới nội thị của thị xã đến Phổ Cường, Phổ Khánh (nối tiếp Phổ Vinh và Phổ Thạnh).

7.2. Phân vùng phát triển:

Toàn đô thị Đức Phổ được phân ra làm 05 phân vùng như sau: (1) Vùng phát triển Logistic và dịch vụ - đô thị biển (*khu vực phường Phổ Văn, phường Phổ Quang và các xã Phổ Phong, Phổ Thuận, Phổ An*); (2) Vùng trung tâm đô thị (*khu vực phường Nguyễn Nghiêm, Phổ Ninh, Phổ Vinh, Phổ Minh, Phổ Hòa*); (3) Vùng phát triển văn hóa - du lịch – kinh tế biển (*khu vực phường Phổ Thạnh và các xã Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Châu*); (4) Vùng đệm xanh (*khu vực xã Phổ Nhơn và phần phía Tây của Phổ Phong, Phổ Ninh, Phổ Hòa, Phổ Cường, Phổ Khánh, Phổ Thạnh, Phổ Châu*); (5) *Vùng ven biển.*

8. Quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

a.1) Giải pháp san nền:

- Giải pháp san nền kết hợp giữa mặt bằng tổ chức không gian và tận dụng địa hình tự nhiên để giảm khối lượng san đắp nền, tránh đào sâu, đắp cao, ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Cao độ nền không chế phù hợp các dự án đã và đang triển khai, các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt và trên cơ sở cao độ nền xây dựng hiện trạng. Các khu đất được san nền mới với hướng dốc đổ ra các sông, độ dốc san nền trong các lô dao động từ 0,2% ÷ 0,4%. Cao độ san nền mới bám theo cao độ các tuyến đường đã xây dựng xung quanh.

- Cao độ không chế san nền cụ thể theo từng khu vực phù hợp với cao độ hiện trạng.

a.2) Giải pháp thoát nước mưa:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn.

- Lưu vực thoát nước gồm 7 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Khu vực phía Bắc (bao gồm các xã Phổ Phong, phường Phổ Văn, phường Phổ Quang), hướng thoát nước ra sông Thoá, sau đó ra cửa Mỹ Á ra biển

+ Lưu vực 2: Khu vực xã Phổ Phong, Phổ Nhơn, hướng thoát nước sông Ba Liên - Trà Câu, sau đó ra cửa Mỹ Á ra biển.

+ Lưu vực 3: Khu vực phía Nam sông Ba Liên - Trà Câu (bao gồm các phường Phổ Ninh, Phổ Minh, Phổ Vinh, Phổ Hòa và phường Nguyễn Nghiêm), hướng thoát nước ra sông Lò Bó, sông Trường và ra cửa Mỹ Á.

+ Lưu vực 4: Khu vực xã Phổ Cường, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ rồi vào đầm Lâm Bình.

+ Lưu vực 5: Khu vực xã Phổ Khánh, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ đổ vào đầm An Khê.

+ Lưu vực 6: Khu vực phường Phổ Thạnh, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ đổ vào đầm Nước Mặn.

+ Lưu vực 7: Khu vực xã Phổ Châu, hướng thoát theo các dòng chảy nhỏ đổ ra biển.

- Các trục tiêu chính:

+ Sông Trà Câu: chảy theo hướng Tây - Tây Bắc đến Đông - Đông Nam rồi đổ ra cửa biển Mỹ Á.

+ Sông Thoa: chảy qua địa bàn phía đông thị xã Đức Phổ, hợp dòng ở hạ lưu với sông Trà Câu đổ ra cửa biển Mỹ Á.

+ Sông Lò Bó: chảy theo hướng Tây Nam - Đông Bắc.

+ Sông Trường: hợp với hạ lưu sông Lò Bó và đổ ra cửa biển Mỹ Á.

+ Các Hồ thủy lợi có tác dụng điều tiết nước mưa, chứa nước mưa như: hồ Sở Hữu, An Thọ, Liệt Sơn, Diên Trường... và các đầm chính: đầm Lâm Bình, An Khê, Nước Mặn.

a.3) Các giải pháp kỹ thuật khác:

Tuân thủ và thực hiện theo “Điều chỉnh quy hoạch Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”. Một số giải pháp chính đối với khu vực quy hoạch như sau:

+ Vùng ven sông Thoa: Tiếp tục nạo, vét, khơi thông, nắn dòng các trục tiêu trong vùng tiêu úng sông Thoa để đảm bảo tiêu úng, ổn định sản xuất cho đất sản xuất nông nghiệp và giảm ngập cho các khu dân cư trong khu vực;

+ Vùng nước nổi Phổ An, Phổ Khánh: Xây dựng kênh tiêu để dẫn tiêu vào sông Thoa ra cửa Mỹ Á, đảm bảo tiêu úng khoảng 120 ha; xây dựng kênh thoát nước chống ngập úng các xã, phường ven biển (Phổ An, Phổ Khánh, Phổ Quang, Phổ Vĩnh);

+ Vùng đầm Lâm Bình: Nạo vét kênh tiêu, từ đầm Lâm Bình đến sông Trường đảm bảo tiêu úng cho khoảng 300 ha;

+ Lưu vực sông Trà Câu: Nạo vét lòng dẫn tuyến chỉnh trị sông Trà Câu từ hạ lưu đập tràn hồ chứa Núi Ngang đến cửa Mỹ Á; tiếp tục thực hiện nạo vét, khơi thông dòng chảy thoát lũ của sông Trà Câu đoạn từ thôn Mỹ Thuận, xã Phổ Thuận đến Sa Bình, phường Phổ Minh;

+ củng cố và xây mới các tuyến đê kè biển để chống sạt lở bờ biển; phòng, chống xâm nhập mặn (đê Phổ Minh – Phổ Vĩnh giai đoạn 2);

+ Đầu tư xây dựng hệ thống kênh Núi Ngang – Liệt Sơn

- Đối với các hồ nhân tạo, đầm phá tự nhiên: hồ Liệt Sơn, hồ An Thọ, hồ Sở Hữu, hồ Diên Trường, hồ Huân Phong, hồ Cây Sanh, hồ Lỗ Lá, hồ Cây Khế, hồ Ông Thơ, hồ Hóc Cây, hồ Hóc Nghi, hồ Hồ Vừng, hồ Cây Xoài, đầm Lâm

Bình, đầm An Khê và các công trình thủy lợi khác được định hướng quy hoạch giữ lại, thực hiện cải tạo, nâng cấp theo quy hoạch thủy lợi tỉnh được phê duyệt. Trong quá trình thực hiện các dự án đầu tư, chủ đầu tư các dự án phải có giải pháp hoàn trả các tuyến mương, đập dâng, trạm bơm... bị ảnh hưởng đảm bảo lưu lượng tưới cho các khu vực sản xuất.

+ Đến năm 2045: Tiếp tục nạo vét, nắn dòng, gia cố, mở rộng các trục tiêu, kênh tiêu, sông nội vùng đảm bảo tiêu tự chảy tại các trục tiêu hiện có và xây dựng mới các trục tiêu khác...

b) Quy hoạch hệ thống giao thông

b.1) Đường sắt:

- Đường sắt Bắc - Nam hiện trạng: Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; cải tạo, nâng cấp hệ thống ga qua địa bàn thị xã gồm có 04 ga: Thạch Trụ, Đức Phổ, Thủy Thạch và Sa Huỳnh.

- Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam (*đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư dự án tại Nghị quyết số 172/2024/QH15 ngày 30/11/2024*): Thực hiện theo Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; cập nhật hướng tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam đi qua khu vực thị xã.

b.2) Đường thủy: Thực hiện theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Tuyến sông Trà Câu chiều dài 11km, cấp luồng là cấp V; tuyến sông Thoa – sông Trường chiều dài 32km, cấp luồng là cấp VI; tuyến Tịnh Khê – Sa Huỳnh Chiều dài 60km, cấp luồng là cấp III.

- Cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão: Cảng cá Sa Huỳnh được nâng cấp lên cảng cá loại I kết hợp khu neo đậu tránh trú bão; đầu tư nâng cấp, sửa chữa khu neo đậu tránh trú bão Mỹ Á và đầu tư mới cảng cá Mỹ Á loại II.

b.3) Đường bộ

* Giao thông đối ngoại:

- Đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đoạn Quảng Ngãi – Hoài Nhơn: Quy mô 06 làn xe (*theo định hướng quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021*).

- Đường cao tốc Quảng Ngãi – Kon Tum: Điểm đầu giao với đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông, tại thị xã Đức Phổ; điểm cuối giao cao tốc Bắc – Nam phía Tây, đoạn Ngọc Hồi (Kon Tum) – Pleiku (Gia Lai) tại thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Quy mô: 04 làn xe (*theo điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025*).

- Quốc lộ 1: Đoạn qua khu vực quy hoạch định hướng nâng cấp, cải tạo và mở rộng đảm nhận vai trò trục giao thông chính, quy mô lộ giới 20,5-55m.

- Quốc lộ 24: Đoạn qua khu vực lập quy hoạch được định hướng với quy mô lộ giới 27m. Quy hoạch đoạn tuyến kéo dài kết nối QL24 từ Thạch Trụ đến đường Dung Quất – Sa Huỳnh tại xã Phổ An, quy mô lộ giới từ (27,0-32,0)m.

- Đường tỉnh ĐT.627 (tuyến đường ven biển Dung Quất- Sa Huỳnh): quy mô lộ giới từ (20,5-40,0)m.

- Đường tỉnh ĐT.621D (Bình Sơn – Đức Phổ): quy mô lộ giới từ (21,0-40,0)m.

- Đường tỉnh ĐT.627B (Bồ Đề - Mỹ Á): quy mô lộ giới từ (20,5-27,0)m

- Đường tỉnh ĐT.627C (QL1 - Ba Tơ): quy mô lộ giới từ (18,5-29,0)m.

* Giao thông đối nội:

- Đường trục chính: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến này với mặt cắt ngang đường từ 27,0m - 55,0m. Gồm hệ thống trục ngang và trục dọc như sau:

+ Trục chính đô thị D1- Vành đai phía Tây khu vực trung tâm đô thị: Điểm giao QL.24, điểm cuối giao với đường Nguyễn Nghiêm. Quy mô lộ giới 41,0m.

+ Trục chính đô thị D2 – Trục trung tâm: Điểm đầu tại QL1 ranh giới phía Bắc, điểm cuối giao tuyến tránh Quốc lộ 1 ở phía Nam. Quy mô lộ giới 32,0m.

+ Trục chính đô thị D3 - Vành đai phía Đông khu vực trung tâm đô thị: Điểm đầu kết nối đường trục chính đô thị Thạch Trụ, điểm cuối giao với trục chính đô thị D2. Quy mô lộ giới 55,0m.

+ Trục chính đô thị D4 - vành đai phía tây khu vực Phổ Khánh – Phổ Thạnh: Điểm đầu tuyến kết nối với trục D5 tại khu vực phía Bắc đầm An Khê, điểm cuối kết nối tuyến tránh Tây Sa Huỳnh tại cụm công nghiệp Đồng Xe. Chiều dài tuyến khoảng 8,86km, quy mô mặt cắt tuyến lộ giới 20,5m, 4 làn xe cơ giới. Tuyến đóng vai trò là tuyến tránh QL1 đoạn qua khu vực đầm An Khê và đầm Nước Mặn.

+ Trục chính đô thị D5 – Trục kết nối phía Đông: Điểm đầu giao với Võ Trung Thành ở phía Nam núi Giàng, điểm cuối kết nối QL1 phía bắc cầu Bà Ngàn. Chiều dài tuyến khoảng 14,93km, quy mô mặt cắt tuyến lộ giới 32,0m.

+ Trục chính đô thị N1: Trùng Quốc lộ 24, kéo dài tuyến về phía Đông kết nối với đường Dung Quất – Sa Huỳnh tại xã Phổ An. Quy mô lộ giới (27,0-32,0)m.

+ Trục chính đô thị N2 (trùng ĐT.621D): Quy mô lộ giới (27,0-40,0) m.

+ Trục chính đô thị N3 - (Trục đường Lê Thánh Tôn - Trần Hưng Đạo - Ngô Quyền): Quy mô lộ giới 29,0 m.

+ Trục chính đô thị N4 - Trục đường Hùng Vương: Điểm đầu giao với đường Phạm Xuân Hòa, điểm cuối giao với đường Dung Quất – Sa Huỳnh. Quy mô mặt cắt tuyến lộ giới 41,0 m

- Đường chính đô thị, đường liên khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến này với mặt cắt ngang đường từ 26,0m - 46,0m.

- Đường chính khu vực, đường khu vực: Cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến này với mặt cắt ngang đường từ 17,5m - 29,5m.

- Đường huyện: Định hướng từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện thành đường đô thị và quản lý theo lộ giới quy hoạch đường đô thị. Giai đoạn ngắn hạn nâng cấp các tuyến đường huyện hiện có lên tiêu chuẩn cấp III-IV tạo điều kiện kết nối các trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn với các tuyến đường tỉnh và đường đô thị. Nền đường từ 9,0-12m; mặt đường rộng từ 7,0-11m.

b.4) Bến xe, bãi đỗ xe:

- Định hướng quy hoạch 02 bến xe: Một bến xe ở khu vực Phổ Cường, quy mô khoảng 12,3 ha và một bến xe phía Nam tại phường Phổ Thạnh, quy mô khoảng 3,4 ha.

- Bãi đỗ xe: Bố trí bãi đỗ xe cho các khu vực phát triển đô thị, chỉ tiêu bãi đỗ xe tính toán cho từng khu vực đô thị đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 01-2021/BXD từ 2,5-4m²/người. Vị trí và quy mô các bãi đỗ xe sẽ được cụ thể trong các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Hồ Núi Ngang (bổ sung nước từ hồ Thượng Sông Vệ), sông Ba Liên – Trà Câu, hồ Liệt Sơn, hồ Diên Trường, hồ Cây Xoài, các hồ khác và nước ngầm...;

- Công trình đầu mối: NMN Đức Phổ hiện trạng giữ nguyên công suất hiện trạng 2.000 m³/ngày đêm; NMN Diên Trường nâng cấp công suất lên khoảng 10.000 m³/ngày đêm; NMN KDC Sa Huỳnh nâng cấp công suất lên khoảng 8.000 m³/ngày đêm; Quy hoạch mới nhà máy Đức Phổ công suất 15.000m³/ngđ (GD1: 6.000m³/ngđ); quy hoạch mới NMN Phổ Phong với công suất khoảng 60.000 m³/ngày đêm; quy hoạch mới NMN Trà Câu với công suất khoảng 3.000 m³/ngày đêm. Các trạm cấp nước nông thôn: Định hướng tiếp tục cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm cấp nước tập trung nông thôn hiện có để đảm bảo cung cấp nước cho khu vực trong giai đoạn ngắn hạn.

- Bố trí hệ thống đường ống mạch vòng đảm bảo cấp nước toàn khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ D110-D800.

d) Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Lấy từ lưới điện Quốc gia;

- Công trình đầu mối: Định hướng tuân thủ theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

+Giai đoạn đến năm 2030: Cải tạo nâng cấp trạm biến áp Đức Phổ đến năm 2030 có công suất 25+40 MVA; cải tạo nâng cấp trạm biến áp Mộ Đức (có phân vùng huyện Mộ Đức) công suất 25+63 MVA. Xây mới trạm biến áp 110kV Phổ Minh công suất 25 MVA;

+ Định hướng đến năm 2045: trạm biến áp Đức Phổ giữ nguyên công suất 25+40 MVA; nâng cấp trạm biến áp Mộ Đức công suất 2x63 MVA (có phân vùng huyện Mộ Đức), trạm biến áp Phổ Minh giữ nguyên công suất 25 MVA. Xây mới trạm biến áp 110kV Phổ Phong có công suất 25+40MVA.

- Lưới điện 220kV- 110kV: Tuân thủ quy hoạch điện VIII, quy hoạch tỉnh. Định hướng trên địa bàn thị xã Đức Phổ có các lưới sau: Tuyến 220KV Thượng Kontum - Trạm 220kV Quảng Ngãi; tuyến 220kV từ trạm 220kV Quảng Ngãi - Quy Nhơn (Phước An); tuyến 110kV từ trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi đến trạm 110/22kV Đức Phổ; tuyến 110kV từ trạm biến áp 110kV Đức Phổ đi Tam Quan; tuyến 110kV từ trạm biến áp 110kV Mộ Đức đi Tam Quan; Quy hoạch mới tuyến 110kV đấu nối TBA 110kV Phổ Minh (đấu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Quảng Ngãi 220kV – Đức Phổ); Quy hoạch mới tuyến 110kV từ trạm biến áp 220kV Quảng Ngãi đến trạm 110/22kV Phổ Phong.

- Lưới điện 22kV: Định hướng từng bước ngầm hóa các khu vực nội thị hiện trạng khi nâng cấp, cải tạo các trục đường giao thông; các khu vực đô thị, công nghiệp và dịch vụ xây dựng mới quy hoạch đi ngầm; các khu vực công nghiệp định hướng lưới điện 22kV đi nổi.

- Chiếu sáng: Xây dựng các tuyến cáp ngầm chiếu sáng dọc theo các trục đường giao thông, kết hợp chiếu sáng trang trí trong khuôn viên các công trình và các khu chức năng của công viên. Những tuyến đường có dải phân cách ở giữa bố trí đèn chiếu sáng đôi trên dải phân cách. Những tuyến đường chính có mặt cắt đường $\geq 10,5\text{m}$ bố trí đèn chiếu sáng hai bên đường; đường nhánh có mặt cắt đường $< 10,5\text{m}$ bố trí đèn chiếu sáng một bên đường.

e) Quy hoạch thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

e.1) Quy hoạch thoát nước thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng hoàn toàn. Nước thải sau khi được thu gom và đưa về các trạm xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

- Hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt: Định hướng hệ thống thu gom và xử lý nước thải phân tán cho từng khu vực phát triển đô thị đảm bảo thuận lợi cho công tác thu gom và quản lý vận hành. Các khu vực dân cư nông thôn rải rác, định hướng thu gom và xử lý cục bộ theo từng khu vực khi thực hiện các dự phát triển mới.

- Nước thải công nghiệp: Thu gom và xử lý riêng theo từng khu công nghiệp.

e.2) Quy hoạch chất thải rắn: Chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn; Chất thải rắn được thu gom và đưa về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn thị xã Đức Phổ tại xã Phổ Nhơn, quy mô 17,95 ha.

e.3) Quy hoạch nghĩa trang:

Quy hoạch 04 nghĩa trang tập trung, gồm: Nghĩa trang tập trung tại xã Phổ Châu (quy mô 24,3 ha); Nghĩa trang tập trung tại xã Phổ Khánh (quy mô 41,3

ha); Nghĩa trang tập trung tại xã Phô Cường (quy mô 29,79 ha); Nghĩa trang tập trung tại xã Phô Phong (quy mô 25,16 ha).

Đối với các nghĩa trang nhỏ lẻ trên địa bàn không đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường, định hướng từng bước khoanh vùng đóng cửa, chỉnh sửa lại nghĩa địa hiện trạng, trồng cây xanh cách ly đảm bảo vệ sinh môi trường, đối với mồ mã rải rác từng bước di dời về nghĩa trang tập trung.

9. Giải pháp bảo vệ môi trường

a) Mục tiêu tổng thể:

- Kiểm soát ô nhiễm nguồn nước mặt các sông, suối, hồ và môi trường đất, không khí đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu vực dự kiến xả thải, khu du lịch, các điểm tập trung chất thải rắn.

- Cải thiện và sử dụng bền vững tài nguyên đất, xây dựng theo điều kiện địa hình tự nhiên, hạn chế đào đắp; có phương án sử dụng đất thích hợp cho từng khu vực.

- Xây dựng khu xử lý nước thải, phương án thu gom chất thải thích hợp cho từng khu vực.

- Giảm thiểu tai biến môi trường; hạn chế ảnh hưởng của hiện tượng úng ngập cục bộ do hệ thống tiêu thoát không đảm bảo; có biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Bảo vệ cảnh quan môi trường, kết nối hệ thống mặt nước; bảo vệ các điểm di tích, các khu có tiềm năng khai thác du lịch, các thảm thực vật; bảo vệ phát triển các hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo tỷ lệ diện tích đất cây xanh, mặt nước trong đô thị và diện tích nông nghiệp khu vực nông thôn.

- Đảm bảo nâng cao điều kiện xã hội, chất lượng cuộc sống dân cư hiện trạng.

b) Về giảm thiểu tác động tới chất lượng môi trường không khí:

- Trồng các hành lang cây xanh với nhiều dải cây xanh nhằm giảm ô nhiễm không khí, tiếng ồn dọc các trục giao thông chính;

- Tăng cường mật độ cây xanh ở những nơi còn đất trống để đạt diện tích cây xanh lớn nhất trong đô thị để cải thiện điều kiện vi khí hậu: Tổ chức không gian cây xanh và các không gian mở trong đô thị, tổ chức không gian cây xanh đường phố, khu nhà ở, các vườn hoa nhỏ, công viên...;

- Tại các trục đường giao thông chính, nền đường nên thường xuyên được quét dọn và phun nước chống bụi.

c) Về giảm thiểu tác động đến môi trường nước:

- Cải tạo sông hồ, xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị - công nghiệp, đa dạng hóa loại hình và công nghệ xử lý nước thải theo quy mô và tính chất của các đô thị;

- Không đổ chất thải xuống các dòng chảy, xả thải bừa bãi trên các khu

vực sông suối;

- Không được bố trí, xây dựng các công trình có nguy cơ gây ô nhiễm nước gần khu vực nguồn nước.

d) Về biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường đất:

- Các khu xử lý, trung chuyển nước thải và rác thải phải có hệ thống chống thấm tốt để tránh gây ô nhiễm đất và nước ngầm;

- Chất thải rắn trong sinh hoạt của người dân phải được thu gom, phân loại và chuyển đến vị trí đổ thải theo quy định, không vứt bừa bãi, lung tung tại các khu vực đất trống.

- Chất thải rắn công nghiệp phải được phân loại, thu gom riêng theo tính chất từng loại hình công nghiệp.

e) Giải pháp về quản lý:

- Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đô thị đã được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật;

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường;

- Giám sát hiệu quả của các công trình xử lý ô nhiễm, phát hiện các nguyên nhân gây biến động môi trường và xây dựng các giải pháp không chế hữu hiệu.

g) Chương trình quan trắc, giám sát môi trường:

- Quan trắc môi trường không khí tại các nút giao thông và trên các tuyến giao thông chính của khu vực, quan trắc môi trường không khí ở các khu công nghiệp, khu dân cư tập trung để nhận biết sớm sự gia tăng của các chất gây ô nhiễm nhằm có biện pháp giảm thiểu;

- Tiến hành quan trắc môi trường nước sông suối trong khu vực tại nguồn tiếp nhận xả thải, môi trường nước ngầm tại khu công nghiệp, khu vực dân cư đông đúc, khu vực bãi rác nhằm theo dõi sự ô nhiễm môi trường nước theo thời gian;

- Quan trắc môi trường đất tại khu vực dân cư đông đúc, khu vực xử lý nước thải, bãi tập kết rác;

- Lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước thải công nghiệp, nước thải y tế trước và sau khi xử lý để theo dõi, từ đó có thể thay đổi công nghệ xử lý, quy mô khu xử lý phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường;

- Giám sát quá trình thu gom và xử lý chất thải rắn để biết được sự thay đổi về khối lượng, thành phần các loại chất thải rắn, qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, hạn chế gây ô nhiễm môi trường.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện

a) Các dự án ưu tiên đầu tư:

- Hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư hạ tầng các tuyến đường trục chính để hình thành bộ khung giao thông chính và thuận lợi cho việc kết nối giao thông trong

khu vực và thu hút đầu tư; Đầu tư hệ thống thoát nước, khu xử lý nước thải, chất thải rắn, nghĩa trang, hệ thống cấp nước và PCCC;...

- Hạ tầng xã hội:

+ Ưu tiên đầu tư xây dựng công viên văn hóa ven đầm An Khê; kêu gọi đầu tư các điểm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái;

+ Ưu tiên xây dựng các dịch vụ công cộng đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hằng ngày, nâng cao tiện ích sống của các khu dân cư: Xây dựng các vườn hoa cây xanh, khu thể dục thể thao, các điểm sinh hoạt văn hóa; từng bước nâng cấp, xây dựng các công trình giáo dục: Mẫu giáo, Tiểu học, Trung học; Cải tạo và nâng cấp các trạm y tế;

+ Kêu gọi đầu tư xã hội hóa các công viên cây xanh tập trung cấp đô thị, các công trình thương mại dịch vụ,...

b) Nguồn lực đầu tư:

- Ưu tiên sử dụng vốn ngân sách thực hiện các chương trình, dự án xây dựng cơ bản, các dự án trọng điểm kết cấu hạ tầng, các chương trình, dự án tạo động lực phát triển.

- Tăng cường công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư các dự án thuộc Chương trình kết cấu hạ tầng sử dụng nguồn vốn ODA, vốn doanh nghiệp, tham gia đầu tư các dự án khu đô thị, thương mại - dịch vụ...

(kèm theo báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Xây dựng và hồ sơ Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2045)

UBND thị xã kính trình Sở Xây dựng thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt Đồ án./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- TT Thị ủy (b/c);
- TT HĐND thị xã;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Các phòng: KTHTĐT, NN&MT, TC-KH thị xã;
- VP HĐND và UBND thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Lý